

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty : Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng
Năm báo cáo : 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0400422373
- Vốn điều lệ: 20.182.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 20.182.500.000 đồng
- Địa chỉ: 1081 Ngô Quyền – Phường An Hải Đông – Quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0236-3831259/3831252
- Số fax: 0236 3831312
- Website: Vinafordang
- Mã cổ phiếu (nếu có) :

Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng, tiền thân là Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu lâm sản Đà Nẵng, cổ phần hóa theo Quyết định số 7013/QĐ/BNN-TCCB ngày 31/12/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Ngày thành lập công ty cổ phần : 01/7/2002

1. Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

+ Kinh doanh và chế biến lâm sản và sản phẩm nông lâm kết hợp.

+ Trồng rừng nguyên liệu giấy.

- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

+ Thành phố Đà Nẵng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: + Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng quản trị công ty

+ Ban kiểm soát công ty

- Cơ cấu bộ máy quản lý :

+ Ban Giám đốc : Gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

+ Có 3 phòng gồm : Phòng Tổ chức hành chính, Phòng kế hoạch kinh doanh, phòng kế toán thống kê

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)

- Xí nghiệp chế biến gỗ Vinafor Đà Nẵng

Địa chỉ : 42 Lạc long quân – Liên Chiểu- Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh : Chế biến gỗ

- Xí nghiệp Lâm nghiệp Vinafor Đà Nẵng

Địa chỉ : 234 Điện biên phủ – Quận thanh Khê - Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh : Trồng rừng

- Xí nghiệp bảo quản Vinafor Đà Nẵng

Địa chỉ : 138 Hải Phòng – Quận Thanh Khê - Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh : Bảo quản gỗ

- Khách sạn Sơn Trà

Địa chỉ : 138 Hải Phòng – Quận Thanh Khê - Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh : Khách sạn du lịch

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững

+ Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng, giá thành sản phẩm.

+ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, điều hành cho phù hợp với điều kiện, năng lực thực tế.

+ Xây dựng, củng cố ổn định tình hình tài chính, nhân sự... đáp ứng đủ nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài

+ Tập trung phát triển lĩnh vực lâm nghiệp của Công ty.

+ Củng cố, giữ vững, ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu đồ gỗ sang các nước Châu Âu, Mỹ, Nhật.....

+ Tập trung đầu tư thiết bị cho lĩnh vực Chế biến gỗ để nâng cao chất lượng sản phẩm, nhằm tăng giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường

+ Rủi ro về nguồn hàng, nguồn nguyên liệu đầu vào: nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả đầu vào.

+ Rủi ro về thị trường tiêu thụ: sự ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu kéo theo sự ảnh hưởng kinh tế tại các thị trường tiêu thụ đồ gỗ tại khu vực Châu Âu, Mỹ...

+ Rủi ro từ kinh tế và các chính sách của Nhà nước: sự thay đổi trong chính sách thuế cũng ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

+ Rủi ro về ngoại tệ: sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv

Doanh thu : 167.996.682.911

Chi phí : 164.584.207.551

Lợi nhuận trước thuế : 3.412.475.360

Lợi nhuận sau thuế : 2.652.652.884

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

- Nguyễn Đức Huy : Tổng Giám đốc - Năm sinh 1967

Địa chỉ : 40 Phường Bình An – Hải Châu Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 21,14%

- Trương Phi Cường : Phó Tổng Giám đốc - Năm sinh 1983

Địa chỉ : Tô 50 Nại Hiên Đông – Sơn Trà Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,54%

- Lê Văn Trị : Phó Tổng Giám đốc - Năm sinh 1954

Địa chỉ : Khuê Trung – Hải Châu - Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,49%

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm) (*Không thay đổi*)

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Số lượng người lao động: 340 người

+ Chính sách đối với người lao động: không thay đổi

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện

các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm/ %
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	48.205.829.142	60.900.727.436	
Doanh thu thuần/	281.993.840.005	167.996.682.911	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.367.367.954	3.401.096.305	
Lợi nhuận khác	-5.796.877	11.3798.055	
Lợi nhuận trước thuế	5.367.367.954	3.412.475.360	
Lợi nhuận sau thuế	4.025.296.306	2.652.652.884	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghichú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.481	1.303	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.831	0.657	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			

<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.245	0.209	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.632	1.103	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	19.340	9.442	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	5.850	2.759	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.014	0.016	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở	0.136	0.092	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.084	0.044	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.019	0.020	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài

+ Tổng số cổ phần: 201.825 cổ phần

+ Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 201.825 cổ phần

+ Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định Pháp luật: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ

đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác

+ Cổ đông là nhà nước: 10.296.000.000 đồng, chiếm 51,01%

+ Cổ đông khác: 9.886.500.000 đồng, chiếm 48,99%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có hiệu quả, hàng năm đều có lãi và chia cổ tức cho các cổ đông đúng thời gian quy định

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.³

Tình hình tài chính của Công ty an toàn, quản lý và sử dụng đồng vốn có hiệu quả.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Công ty có một khoản nợ khó đòi đã đưa ra tòa xử lý, nhưng các khoản nợ này công ty đã trích lập dự phòng 100% .

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Trong năm Hội đồng quản trị đã họp đề ra nhiều chủ trương giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ ban điều hành trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám Đốc. Tại các cuộc họp thường kỳ Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, thực hiện hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

- Lê Trọng Nghĩa – Trưởng ban

Địa chỉ : Tổ 19 Phường An Hải Đông – Sơn Trà – Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,304%

- Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thành Viên

Địa chỉ : 257/21 Đống Đa – Hải châu – Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 1,59 %

- Nguyễn văn Duật

Địa chỉ : 01 An Cư 1 An hải bắc Sơn Trà – Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,297%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban kiểm soát đã đi kiểm soát các đơn trực thuộc công ty thường kỳ 2 lần mỗi năm và đột xuất khi cần thiết, đã họp 02 lần và đưa ra các kiến nghị cho Hội đồng quản trị các biện pháp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh và ngăn chặn các sai phạm theo quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thù lao của hội đồng quản trị và ban kiểm soát như sau :

Chủ tịch HĐQT : 3.000.000đ/tháng

Ủy viên HĐQT : 2.000.000đ/tháng

Trưởng ban kiểm soát : 2.000.000đ/tháng

Thành viên ban kiểm soát : 1.500.000đ/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp

và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Đức Huy